TRƯỜNG CNTT – TT
KHOA HỆ THỐNG THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH HỌC TẬP KHÓA 50

Ngành: **Hệ thống thông tin (**Information Systems)
Mã ngành: **7480104**
Hệ đào tạo: **Chính quy** Thời gian đào tạo: **4,5 năm** Danh hiệu: **Kỹ sư**

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
Học kỳ 1 – Năm thứ 1										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8			*SV học theo thời khóa biểu của Trường*
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
5	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				
6	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				
Cộng			**13**	**13**		**152**	**88**			
Học kỳ 2 – Năm thứ 1										
1	CT200	Nền tảng công nghệ thông tin	4	4		30	60			
2	CT100	Kỹ năng học đại học	2	2		20	20			
3	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60				
4	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4			60				
5	TN012	Đại số tuyến tính & Hình học	4	4		60				
Cộng			**14**	**10**	**4**	**170**	**80**			
Học kỳ 3 – Năm thứ 1										
1	CT101	Lập trình căn bản A	4	4		30	60			
2	CT173	Kiến trúc máy tính	3	3		45				
3	CT172	Toán rời rạc	4	4		60				
4	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023		
5	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45		FL001		
			14	**11**	**3**	**180**	**60**			
Học kỳ 1 – Năm thứ 2										
1	CT177	Cấu trúc dữ liệu	3	3		30	30			
2	CT190	Nhập môn trí tuệ nhân tạo	2	2		30				
3	CT176	Lập trình hướng đối tượng	3	3		30	30	CT101		
4	ML007	Logic học đại cương	2		2	30				
5	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				
6	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				
7	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				
8	XH014	Văn bản và lưu trữ đại cương	2			30				
9	KN001E	Kỹ năng mềm	2			30				
10	KN002E	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			
11	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024		
12	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45		FL002		
Cộng			**13**	**8**	**5**	**165**	**80**			
Học kỳ 2 – Năm thứ 2										
1	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				
2	CT175	Lý Thuyết đồ thị	3	3		30	30	CT177		
3	CT174	Phân tích & thiết kế thuật toán	3	3		30	30	CT177		
4	CT180	Cơ sở dữ liệu	3	3		30	30	CT177		
			12	**12**	**0**	**135**	**90**			
Học kỳ 3 – Năm thứ 2										

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
1	CT205	Quản trị cơ sở dữ liệu	3	3		30	30	CT180		
2	CT178	Nguyên lý hệ điều hành	3	3		30	30	CT173		
3	CT296	Phân tích & thiết kế hệ thống	3	3		30	30	CT180		
4	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		
5	TN001	Vi – Tích phân A1	3	3		45				
Cộng			**14**	**14**		**165**	**90**			
Học kỳ 1 – Năm thứ 3										
1	CT112	Mạng máy tính	3	3		30	30	CT178		
2	CT188	Nhập môn lập trình web	3	3		30	30			
3	CT182	Ngôn ngữ mô hình hóa	3	3		30	30	CT176	CT180	
4	TN002	Vi – Tích phân A2	4	4		60		TN001		
Cộng			**13**	**13**	**0**	**150**	**90**			
Học kỳ 2 – Năm thứ 3										
1	CT299	Phát triển hệ thống web	3	3		30	30	CT180, CT188		
2	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		
3	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30			
4	CT273	Giao diện người - máy	3	3		30	30	CT296		
5	CT291	Lập trình ứng dụng	3	3		30	30	CT180		
			12	**11**	**1**	**120**	**120**			
Học kỳ 3 – Năm thứ 3										
1	CT252E	Niên luận cơ sở ngành HTTT	3	3			90	CT180		
2	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		
3	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1		30			
4	CT179	Quản trị hệ thống	3	3		30	30			
5	CT430	Phân tích hệ thống hướng đối tượng	3	3		30	30	CT182		
Cộng			**12**	**11**	**1**	**90**	**180**			
Học kỳ 1 – Năm thứ 4										
1	CT281	Cơ sơ dữ liệu phân tán	3	3		30	30	CT180		
2	CT099	Blockchain và ứng dụng	3	3		30	30	CT296		
3	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		
4	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1		30			
5	CT274	Lập trình cho thiết bị di động	3	3		30	30	CT176		
Cộng			**12**	**11**	**1**	**120**	**120**			
Học kỳ 2 – Năm thứ 4										
1	CT263E	Niên luận ngành HTTT	3	3			90	CT296, CT430, CT291		
2	CT262	Phát triển hệ thống thông tin quản lý	3		9TC	30	30	CT296		
3	CT258	Phát triển hệ thống thương mại điện tử	3			30	30	CT296		
4	CT298E	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	3			30	30	CT296		
5	CT286	Kho dữ liệu và OLAP	3			30	30	CT 180		
6	CT285	Hệ thống quản lý sản xuất	3			30	30	CT296		
7	CT255	Nghiệp vụ thông minh (Business Intelligence)	3			30	30	CT296		
Cộng			**12**	**3**	**9**	**90**	**180**			
Học kỳ 3 – Năm thứ 4										
1	CT551E	Luận văn tốt nghiệp – HTTT	15		15			≥ 125 TC, CT296, CT430		
2	CT503E	Tiểu luận tốt nghiệp - HTTT	6			180	180	≥ 125 TC, CT296, CT430		
3	CT254	Bảo mật, an toàn HTTT	3			30	30	CT296		
4	CT265	Hệ CSDL đa phương tiện	3			30	30	CT180		
5	CT207	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3			30	30	CT176		
6	CT280	CSDL NoSQL	3			30	30	CT180		
7	CT512	Điện toán đám mây và IoT	3			30	30	CT112		
8	CT513	Web ngữ nghĩa và ứng dụng	3			30	30	CT296		

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	Ghi chú
9	CT514	Dữ liệu lớn và Chuyển đổi số	3			30	30	CT180		
10	CT515	Quản trị tri thức	3			30	30	CT190		
Cộng			**15**		**15**	**270**	**270**			
Học kỳ 1 – Năm thứ 5										
1	CT511E	Thực tập doanh nghiệp - HTTT	5	5			270	≥ 125 TC, CT296, CT430		
Cộng			**5**	**5**	**0**	**0**	**270**			
TỔNG CỘNG (Bắt buộc: 122 TC, Tự chọn 39 TC)			**161**	**122**	**39**					

Đơn vị quản lý: **Khoa Hệ thống thông tin, Trường CNTT & TT**

Liên hệ:

- https://www.facebook.com/htttdhct
- https://fis.ctu.edu.vn/

Cần Thơ, ngày … tháng … năm 2024

TL. HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHCT
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CNTT-TT

Nguyễn Hữu Hòa

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thái Nghe